

BẢN TIN DỰ BÁO NGUỒN NƯỚC THỜI HẠN NGẮN
(Từ ngày 15 đến 21/9/2024)

1.1. Khu vực miền núi phía Bắc

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 150-300mm, có nơi trên 500mm như Cò Nòi (Sơn La) 1086.3mm, Sa Pa (Lào Cai) 572.5mm, Lục Yên (Yên Bái) 571.9mm, Tam Đảo (Vĩnh Phúc) 592.6mm, ...
- Trong tuần qua trên sông Thao đã xuất hiện một đợt lũ đặc biệt lớn, trong đợt lũ này đỉnh lũ tại trạm Yên Bái 35,73m (17h/10/9) đã vượt mức lịch sử 1,31m và trên BĐ3 3,73m. Tổng lượng dòng chảy trên sông Thao tại Yên Bái cao hơn TBNN cùng kỳ 293%. Trên sông Lô cũng xuất hiện 1 đợt lũ lớn với mực nước đỉnh lũ đạt 2773cm (lúc 5h ngày 11/9/2024), tổng lưu lượng dòng chảy tại Tuyên Quang lớn hơn TBNN cùng kỳ 549%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 30-80mm, có nơi trên 100mm, riêng Lào Cai, Yên Bái, Hà Giang, Tuyên Quang 70-120mm, có nơi trên 120mm.
- Tổng lượng dòng chảy: Trên sông Thao tại Yên Bái nhỏ hơn TBNN cùng kỳ 18%, sông Lô tại Tuyên Quang lớn hơn TBNN cùng kỳ 34%.

1.2. Khu vực Đồng bằng và Trung du Bắc Bộ

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 250-350mm, có nơi trên 350mm như (chi tiết điểm/tỉnh) Chi Nê (Hòa Bình) 566.7mm, Định Hóa (Thái Nguyên) 612.4mm, Tiên Yên (Quảng Ninh) 519.7mm, Hà Đông (Hà Nội) 401.5mm, Tp Nam Định (Nam Định) 471.6mm....,
- Tổng lượng dòng chảy: + Trên sông Đà, lưu lượng dòng chảy đến hồ Hòa Bình tăng trong 3 ngày đầu do ảnh của hoàn lưu cơn số 3 sau đó giảm, tổng lượng dòng chảy cao hơn so với TBNN 87%. + Trên hệ thống sông Thái Bình đã xuất hiện một đợt lũ đặc biệt lớn, trong đợt lũ này đỉnh lũ tại Gia Bảy đã vượt mức lịch sử, đỉnh lũ tại Lục Nam lớn thứ 2

trong chuỗi đỉnh lũ năm quan trắc. Tổng lượng dòng chảy tại trạm Gia Bảy cao hơn 1215% so với TBNN. Tổng lượng dòng chảy trên sông Lục Nam tại Chũ cao hơn TBNN cùng kỳ là 1129%.

+ Nguồn nước trên hệ thống sông Hồng tăng nhanh, lũ lớn trên sông Thao, sông Lô, sông Thái Bình, mực nước hạ lưu sông Hồng tăng nhanh, mực nước tại trạm thủy văn Hà Nội đạt đỉnh 11,30m (2h/12/9) dưới BĐ3 là 0,20m . Tổng lượng dòng chảy sông Hồng tại thủy văn Hà Nội cao hơn TBNN cùng kỳ 321%.

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 30-80mm, có nơi trên 100mm.

- Tổng lượng dòng chảy:

+ Trên sông Đà, lưu lượng dòng chảy đến hồ Hòa Bình sẽ dao động theo điều tiết phát điện của thủy điện tuyến trên; tổng lượng dòng chảy cao hơn 53% so với TBNN.

+ Lưu lượng dòng chảy trên sông Cầu và sông Lục Nam sẽ giảm so với kì trước; tổng lượng dòng chảy trên sông Cầu tại Gia Bảy dự báo cao hơn TBNN cùng kì là 211%. Trên sông Lục Nam, tổng lượng dòng chảy tại Chũ dự báo cao hơn TBNN cùng kỳ là 205%.

+ Dòng chảy hạ lưu sông Hồng sẽ xuống tuy nhiên so với TBNN vẫn ở mức cao. Tổng lượng dòng chảy trên sông Hồng tại Hà Nội tuần tới dự báo ở mức cao hơn TBNN cùng kỳ 57%.

1.3. Bắc Trung Bộ

a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua

- Tổng lượng mưa: Thanh Hóa phổ biến từ 150-300mm, có nơi trên 300mm như Bái Thượng 314.7mm, Nghệ An phổ biến 80-120mm, có nơi trên 130mm như Quỳnh Châu 136.3mm, Hà Tĩnh phổ biến từ 50-100mm, có nơi trên 100mm như Hoàn Sơn 104.6mm,...

- Tổng lượng dòng chảy: Trong tuần trên các sông ở Thanh Hóa - Nghệ An xuất hiện một đợt lũ. Lưu lượng dòng chảy trên các sông trong khu vực tăng hơn so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại Cẩm Thủy cao hơn TBNN cùng kỳ khoảng 355%, sông Cả tại Yên Thượng thấp hơn 26%, sông Ngàn Phố tại Sơn Diệm thấp hơn khoảng 84%, sông Ngàn Sâu tại Hòa Duyệt thấp hơn khoảng 76%.

b. Dự báo, cảnh báo

- Tổng lượng mưa: Phổ biến 40-80mm, có nơi trên 100mm
- Tổng lượng dòng chảy: Lưu lượng dòng chảy trên các sông trong khu vực giảm so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Mã tại Cẩm Thủy cao hơn TBNN cùng kỳ khoảng 90%, sông Cả tại Yên Thượng thấp hơn khoảng 45%, sông Ngàn Phố tại Sơn Diệm thấp hơn khoảng 93%, sông Ngàn Sâu tại Hòa Duyệt thấp hơn khoảng 87%.

1.4. Trung Trung Bộ

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 20-50mm, có nơi trên 90mm như: Khe Sanh (Quảng Trị) 91.8mm, Trà My (Quảng Nam) 131.6mm,...
- Tổng lượng dòng chảy: Trong tuần, dòng chảy trên các sông từ Quảng Bình đến Quảng Ngãi có dao động. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch (Thừa Thiên Huế) cao hơn TBNN cùng kỳ 9%, sông Thu Bồn (Quảng Nam) thấp hơn 24%, sông Trà Khúc (Quảng Ngãi) cao hơn 6%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 40-100mm, có nơi trên 130mm.
- Tổng lượng dòng chảy: Dòng chảy trên các sông trong khu vực khả năng có dao động và ở mức cao hơn so với tuần trước. Tổng lượng dòng chảy trên sông Tả Trạch cao hơn TBNN cùng kỳ 23%, sông Thu Bồn (Quảng Nam) thấp hơn 15%, sông Trà Khúc (Quảng Ngãi) cao hơn 12%.

1.5. Nam Trung Bộ

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến từ 20-40mm, có nơi trên 40 mm như: Hoài Nhơn (Bình Định) 145.8mm, La Gi (Bình Thuận) 49.7mm,...
- Tổng lượng dòng chảy: Lưu lượng dòng chảy trên các sông có dao động. Tổng lượng dòng chảy trên sông An Lão (Bình Định) cao hơn 7% , sông Ba (Phú Yên) cao hơn 14%, sông Cái Nha Trang (Khánh Hòa) ở mức thấp hơn 15%, sông Lũy (Bình Thuận) cao hơn 25%, sông La Ngà (Bình Thuận) thấp hơn 68%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: phổ biến 80-150mm, có nơi trên 170mm.
- Tổng lượng dòng chảy: Lưu lượng dòng chảy trên các sông có dao động. Tổng lượng dòng chảy trên sông Ba tại Củng Sơn so với TBNN thấp hơn 56% và sông Cái Nha Trang tại Đồng Trăng thấp hơn 8% TBNN.

1.6. Tây Nguyên

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến 20-50mm, có nơi trên 100mm như Yaly (Gia Lai) 161.3mm, EaKmat (Đắk Lắk) 105.1mm, Cát Tiên (Lâm Đồng) 107.9mm, ...
- Tổng lượng dòng chảy: Lưu lượng dòng chảy trung bình các sông trên khu vực phổ biến ở mức xấp xỉ và giảm so với tuần đã qua. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 88%, trên sông Srêpôk tại trạm Giang Sơn cao hơn TBNN cùng kỳ 16%.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: phổ biến 60-120mm, có nơi trên 170mm
- Tổng lượng dòng chảy: Trong tuần tới, lưu lượng dòng chảy trung bình các sông trên khu vực dao động ở mức tương đương và giảm so với tuần vừa qua. Tổng lượng dòng chảy trên sông Đăkbla tại trạm Kon Tum thấp hơn TBNN cùng kỳ 89%, trên sông Srêpôk tại trạm Giang Sơn thấp hơn 5%.

1.7. Nam Bộ

<i>a. Diễn biến tình hình nguồn nước đã qua</i>
- Tổng lượng mưa: Phổ biến 60-120mm, có nơi trên 120mm như Phước Long (Bình Phước) 159,1mm, Trị An (Đồng Nai) 126.6mm, Thủ Dầu Một (Bình Dương) 129.2mm, Ba Tri (Bến Tre) 139.9mm, ...
- Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long đang lên dần.
<i>b. Dự báo, cảnh báo</i>
- Tổng lượng mưa: phổ biến 80-150mm, có nơi trên 200mm.
- Tổng lượng dòng chảy về đầu nguồn sông Cửu Long đang lên nhanh. Trên sông Tiền tại Tân Châu ở mức cao hơn TBNN 15%, trên sông Hậu tại Châu Đốc ở mức cao hơn TBNN 12%.

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15h00 ngày 22/9/2024

Tin phát lúc: 15h00

**Người chịu trách nhiệm
ban hành bản tin**



Phùng Tiến Dũng

Phụ lục

Phụ lục 1. Bảng trị số tổng lượng nước thực đo và dự báo các trạm

Bảng 1.1: Tổng lượng mưa dự báo từ ngày 15 đến ngày 21/09/2024

Đơn vị: mm

Khu vực	Trạm	Thực đo 7 ngày	So sánh TBNN (%)	Dự báo từ ngày 15 đến ngày 21/09/2024								So sánh TBNN (%)
				Ngày 1	Ngày 2	Ngày 3	Ngày 4	Ngày 5	Ngày 6	Ngày 7	Tổng	
Tây Bắc	Tam Đường	80.5	>83	26.5	7.8	4.5	6.6	2.6	5.3	0.8	54.1	>36
	Sơn La	68.1	>130	2.8	4.9	19.2	4.8	3.6	4.1	5.5	44.9	>76
	Hòa Bình	363.8	>669	22.6	38.9	9.4	12.1	3.4	29.8	2	118.2	>198
Việt Bắc	Lào Cai	466.9	>190	46.2	25.4	15.6	15.1	14.2	10.8	15.7	143	>115
	Yên Bái	193.4	>374	41.1	18.6	21	7.5	8	13.1	3.3	112.6	>182
	Tuyên Quang	195.8	>111	29.6	26.4	17.6	19.4	3.5	11.9	1.4	109.8	>103
	Hà Giang	119.8	>300	11.3	15.8	21.9	16.7	2.9	4.1	2.9	75.6	>9
Đông Bắc	Cao Bằng	166.1	>647	11.1	2.5	1.9	3.4	1.9	1.2	3.5	25.5	>175
	Lạng Sơn	240	>879	27.7	7.9	10.9	2.8	16.6	8.9	12.1	86.9	>29
	Bắc Giang	462.9	>237	11.9	3.7	7.7	7.6	3.1	2.5	8.9	45.4	>109
	Quảng Ninh	305.5	>487	28.4	11.3	22.3	10.3	11.3	3.9	16.6	104.1	>79
Đông Bắc Bộ	Láng	296.1	>354	6.5	34.4	9.8	16	1.5	4.3	10.1	82.6	<12
	Thái Bình	471.6	0	1.8	16.1	7.7	14.6	0.9	9.7	12.3	63.1	0
	Nam Định	332	>356	16.4	29.6	28.9	16.7	8.2	2.6	13.8	116.2	>86
Bắc Trung Bộ	Thanh Hoá	220.8	>93	0.4	7.7	12.1	7.9	0.6	3.3	18.4	50.4	<43
	Vinh	112.5	<2	0.3	6.2	34.1	19.2	1.3	0.8	22.1	84	<21
	Hà Tĩnh	38.5	<72	0.2	3.2	35.6	15.9	1	1	9	65.9	<53
Trung Trung Bộ	Huế	26.5	<69	12.8	11.4	24.7	8.3	2.8	1.7	4.2	65.9	<33
	Quảng Ngãi	135	>64	28	12.9	29.3	13.1	17.1	1.6	24.4	126.4	>82
Nam Trung Bộ	Nha Trang	42.6	>8	32.8	32.1	31.5	18.1	24.6	26	13.2	178.3	>287
Tây Nguyên	Kon Tum	92.4	>24	20.2	19.2	14.3	10	4.3	3.6	26.4	98	>23
	Buôn Mê Thuột	50.9	<43	19.2	24.7	6.3	6	1.9	9.8	10	77.9	<18
Nam Bộ	Biên Hòa	73.5	<19	8.9	30.2	30.7	20.3	15.4	14.9	15.9	136.3	>64
	Cần Thơ	53.2	<8	8.9	17.7	21.7	22.4	19.5	37.9	5	133.1	>134

Bảng 1.2: Tổng lượng nước dự báo từ ngày 15 đến ngày 21/09/2024

Đơn vị: triệu m³

Sông	Trạm	Thực đo 7 ngày qua	So sánh TBNN (%)	Dự báo từ ngày 15 đến ngày 21/09/2024								So sánh TBNN (%)
				Ngày 1	Ngày 2	Ngày 3	Ngày 4	Ngày 5	Ngày 6	Ngày 7	Tổng	
Đà	Hồ Hòa Bình	2636	>87	311	276	285	276	276	259.0	259	1927	>53
Thao	Yên Bái	2922	>293	136	119	96	78	60	45.0	42	577	<18
Lô	Tuyên Quang	5202	>549	224	163	125	115	104	98.0	95	924	>34
Cầu	Gia Bảy	769	>1215	37.5	36.3	35.0	32.5	27.7	23.1	20.9	213	>211
Lục Nam	Chũ	884	>1129	42.16	29.03	21.08	14.26	10.63	9.5	8.48	135	>205
Hồng	Hà Nội	8136	>321	666	516	392	322	268	236.0	216	2616	>57
Mã	Cắm Thủy	1906	> 355	103	106	121	116	110	106	110	774	>90
Cả	Yên Thượng	517	< 26	53.4	55.2	63.2	60.3	57.4	55.2	57.5	402	<45
La	Hòa Duyệt	22.9	< 76	2.49	2.57	2.95	2.81	2.68	2.6	2.68	18.7	<87
Tả Trạch	Thượng Nhật	10.8	> 9	1.7	1.8	2	2.2	2.1	1.7	1.6	13.1	>23
Thu Bồn	Nông Sơn	78.6	< 24	14.9	15.7	16.4	15.6	14.3	12.1	9.7	98.7	<15
Trà Khúc	Sơn Giang	78.6	> 6	13.8	14.7	15.1	14	13.5	12.8	11.7	95.6	>12
Ba	Cung Sơn	306	>14	30.9	30.7	30.7	30.8	31.1	31.5	32.0	217	>3
Cái N,T	Đông Trảng	34.3	<15	3.28	3.46	3.54	3.63	3.8	3.8	3.89	25.4	<11
ĐăkBlá	KonTum	11.0	< 88	1.36	2.06	2.1	1.86	1.49	1.4	1.6	11.9	<89
Srêpôk	Giang Sơn	77.4	> 16	8.29	8.43	8.9	9.42	10.2	10.9	11.15	67.3	< 5
Tiền	Tân Châu			1933	1950	1968	1994	2038	2083	2128	14094	>15
Hậu	Châu Đốc			443	447	452	470	487	505	523	3236	>12